TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ngọc.
2. Bà Phạm Thị Liễu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K – sinh năm 1988.

Địa chỉ: 67/25/3, Tổ 7, Ấp P, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1979.

Địa chỉ: 67/25/3, Tổ 7, Ấp P, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2021 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Anh trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn bất hòa. Nguyên nhân do anh Q hay cờ bạc, sử dụng rượu, thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc

nhau. Nay tình cảm không còn, chị xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh Q nên chị yêu cầu ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/6/2005; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 17/6/2013. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có.

Lời khai của anh Q trong quá trình tố tụng thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn tự nguyện vào năm 2008. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn bất hòa. Lý do bất đồng quan điểm, do anh bị bệnh từ đó công việc không ổn định, chị K không lo cho anh. Anh thừa nhận có sử dụng rượu bia, thừa nhận có xúc phạm chị K. Theo lời khai ngày 03/11/2021 anh Q không đồng ý ly hôn. Nay suy nghĩ lại anh đồng ý ly hôn chị Anh và xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/6/2005; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 17/6/2013. Nay ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con do anh không có công việc ổn định.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Quá hạn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Anh. Về hôn nhân: Cho chị K được ly hôn với anh Q. Giao 02 con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/6/2005; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 17/6/2013 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Q không cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Chị Anh phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Anh khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung anh Q. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Chị K và anh Q tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng xảy ra xô xát, xúc phạm lẫn nhau, không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau.

Anh Q tuy đồng ý ly hôn, nhưng do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn mà xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/6/2005; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 17/6/2013. Khi ly hôn chị Anh yêu cầu được nuôi con chung, anh Q đồng ý giao con cho chị Anh nuôi dưỡng. Các con chung có nguyện vọng được ở với chị Anh. Qua lời khai của các đương sự, xác minh của Tòa án tại địa phương xác định định hiện nay các con chung do chị Anh nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Anh, giao con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Thị Bích N chị Anh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Anh chưa yêu cầu.

- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 89, 91, 92, 93 và 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 30/6/2005; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 17/6/2013. Giao cháu T và cháu N cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu. Anh Q có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có Q thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí chị Anh đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004183 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

3. Các đương sự được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T; huyện Tân Phú (Số 25 ngày 04/7/2008) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phan Hồng Thạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**